TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **145**/2019/HS-ST
Ngày: 23/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đỗ Gia Ánh;

- Ông Đào Ngọc Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 140/2019/HSST ngày 27/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2019/QĐXXST-HS ngày 09/7/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đào Thị Thu H;** Sinh năm 1985; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT: Tổ 15, phường A, thành phố B, tỉnh C ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Không; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đào Văn P; Con bà: Hà Thị H; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 11/01/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

2. Họ và tên: **Trần Tích H;** Sinh năm 1995; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: Tổ 6, phường P, quận N, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Tích H; Con bà: Hoàng Thị C; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án: 01 tiền án: Bản án số: 215/2016/HSST ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội,xử phạt Trần

Tích H 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, về tội:*"Cướp giật tài sản" (Chưa được xóa án tích).*

Tiền sự: Tháng 8/2018, Công an phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Tích H, hình thức: Phạt tiền: 1.500.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, năm trăm nghìn đồng*), về hành vi:*"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* .

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 11/01/2019. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Trần Văn T; Sinh năm: 1995; Nơi ĐKHKTT: Tổ 1, phường P, quận N, thành phố H;

(*Anh T vắng mặt tại phiên tòa)*

2. Anh Lê Xuân N; Sinh năm 1970; Nơi ĐKHKTT: Tổ 4, M, phường G, quận N, thành phố H.

(*Anh N có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 20 ngày 10/01/2019, tổ công tác Công an phường P, quận N, thành phố H làm nhiệm vụ tại trước cửa nhà nghỉ P, địa chỉ tại: Ngõ 56, tổ 6, phường P, quận N, thành phố H, phát hiện Trần Tích H và Trần Văn T *(Sinh năm: 1995; ĐKHKTT: Tổ 1, phường P, quận N, thành phố H)* có biểu hiện nghi vấn đã tiến hành kiểm tra, thu giữ trong tay phải của T 01 ống nhựa màu vàng bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, dẫn giải H và T cùng vật chứng về Công an quận N để điều tra làm rõ.

Vật chứng thu giữ của Trần Văn T gồm có: 01 ống nhựa màu vàng bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen. Thu giữ của Trần Tích H gồm có: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave α BKS: 30F7-8971; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh đen và số tiền 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).*

Quá trình bắt giữ, đấu tranh xác định số ma túy tổ công tác thu giữ là của Trần Tích H mua của Đào Thị Thu H sau đó mang đến bán cho T. Tiến hành

dẫn giải xác định nơi H mua ma túy tại tổ 4, M, phường M, quận N, thành phố H, là chỗ ở của Đào Thị Thu H và Lê Xuân N *(Sinh năm: 1970; ĐKHKTT: Tổ 4, M, phường G, quận N, thành phố H)*. Đào Thị Thu H đầu thú và tự nguyện giao nộp các túi nilông chứa tinh thể màu trắng và khai nhận đó là ma túy. Cơ quan điều tra dẫn giải H và N cùng vật chứng về Công an quận N để điều tra làm rõ.

Vật chứng thu giữ của Đào Thị Thu H gồm có: 01 túi nilông màu trắng, bên trong có 07 viên nén màu hồng in chữ WY nghi là ma túy; 12 túi nilông màu trắng kích thước 0,1x0,1 cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 05 túi nilông màu trắng kích thước 2x2 cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 12 túi nilông màu trắng kích thước 3x3 cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 túi nilon màu trắng kích thước 5x3 cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 cân điện tử màu trắng và 01 điện thoại Samsung màu nâu.

Lê Xuân N tự nguyện giao nộp 01 túi nilông màu trắng kích thước 1x1 cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 473/KLĐG-PC09 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an thành phố Hà Nội kết luận: "*Tinh thể màu trắng bên trong 01 ống nhựa màu vàng (thu giữ của Trần Văn T)*
là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng: 0,074 gam./.".

Tại Kết luận giám định số: 504/KLĐG-PC09 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an thành phố H kết luận:

"*Thu giữ của Lê Xuân N gồm: Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilông không phải là ma túy, khối lượng: 0,162 gam.*

Thu giữ của Đào Thị Thu H gồm:

- Tinh thể màu trắng bên trong 30 túi nilông đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng: 14,380 gam.

- 07 viên nén màu hồng có in logo chữ WY đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng: 0,685 gam.

- 01 cân điện tử có dính ma túy loại Methamphetamine./."

Tổng khối lượng Methamphetamine thu giữ của Hà là: 15,065 gam.

Quá trình điều tra xác định: Thông qua mối quan hệ xã hội, Đào Thị Thu H quen biết một đối tượng nữ tên là N *(hiện không rõ nhân thân)* quê ở C. Quá trình quen biết N nói với H là N sẽ gửi ma túy xuống H cho H bán sau đó trả tiền cho N, được lãi thì H hưởng, H đồng ý. Vào các ngày 07/01/2019 và ngày 09/01/2019, N cất giấu ma túy vào trong hàng quần áo rồi gửi xe khách xuống H cho H. Sau khi nhận ma túy, H chia thành các túi nhỏ để bán lại cho các con nghiện. Khoảng 18 giờ 00 ngày 08/01/2019, Trần Tích H đến nơi H ở cùng với Lê

Xuân N tại tổ 4, M, phường G, quận N, thành phố H mua được 01 túi ma túy đá với giá 450.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*. Sau đó, Hiếu san ra một ít sử dụng, số còn lại cho vào ống nhựa màu vàng hàn kín hai đầu với mục đích ai hỏi mua thì bán kiếm lời. Khoảng 13 giờ 00 ngày 10/01/2019, Trần Văn T sử dụng số điện thoại 0966.200.895 gọi tới số 0354.606.798 của H hỏi mua 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* ma túy đá, H hẹn T ra trước cửa nhà nghỉ P, địa chỉ tại: Tổ 6, phường P, quận N, thành phố H để giao dịch mua bán. Sau đó, H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng, BKS: 30F7- 8971 đến địa điểm hẹn. Tại đây, Tuyến đưa cho H số tiền 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)*, H đưa lại cho T 01 ống nhựa màu vàng chứa ma túy bên trong. Khi T vừa nhận ma túy của H thì bị tổ công tác công an phường P phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

Tại cơ quan điều tra, Đào Thị Thu H, Trần Tích H và Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép 0,074 gam Methamphetamine của Trần Văn T. Quá trình điều tra xác định khối lượng ma túy Methamphetamine Tuyến tàng trữ không đủ truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 06/6/2019, Công an quận N ra quyết định số: 308/QĐ-XPHC về việc: Xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn T về hành vi: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 21 của Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với Lê Xuân N là người bán ma túy cho Trần Tích H *(theo lời khai của H)* và N có tự nguyện giao nộp 01 gói nilông chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy. Quá trình điều tra, N không thừa nhận đã bán ma túy cho H như H khai tại cơ quan điều tra. Mặt khác, kết luận giám định xác định số tinh thể màu trắng N tự nguyện giao nộp không phải ma túy. Việc H bán ma túy N không biết và H cũng không nói cho N biết, nên cơ quan điều tra không xử lý đối với N.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α BKS: 30F7-8971, số khung: RLHHC1212DY274202; Số máy: HC12E-5274325, H khai mượn của một người tên T *(hiện không xác định được nhân thân)*. Kết quả xác minh nguồn gốc BKS: 30F7-8971 xác định xe nhãn hiệu YAMAHA; Số khung: 003035; Số máy: 003035; Chủ xe: V *(Sinh năm: 1980, HKTT: Số: 10, ngõ 155/188, đường T, phường P, quận T, thành phố H)*. Anh H khai mua xe từ năm 2008 đến năm 2015 anh bán lại chiếc xe trên cho người không quen biết. Kết quả tra cứu số khung: 274202, số máy: 5274325, không tìm thấy dữ liệu tra cứu. Ngày 06/6/2019, Cơ quan điều tra đã ra quyết định Tách vụ án hình sự số: 05 về việc:

Tách phần tài liệu liên quan đến xe máy BKS: 30F7-8971 để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Bản Cáo trạng số 165/CT-VKS ngày 24/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H, truy tố bị cáo Đào Thị Thu H về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm i khoản 2 điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Truy tố bị cáo Trần Tích H về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;".

Tại phiên tòa:

Bị cáo các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận N truy tố bị cáo Đào Thị Thu H về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại Điểm i khoản 2 điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Truy tố bị cáo Trần Tích H về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân của các bị cáo và kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Đào Thị Thu H về tội:*"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm i khoản 2 điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Truy tố bị cáo Trần Tích H về tội:*"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau: Bị cáo H là người dân tộc thiểu số, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu,chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo ra đầu thú, tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52

của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo H có 01 tiền sự, 01 tiền án, bị cáo phạm tội lần này là tái phạm, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của bản án trước, vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp với hình phạt của Bản án số: 215/2016/HSST ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H,xử phạt bị cáo15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án này và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án, theo quy định tại Khoản 2 Điều 56; Khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo H như sau: Sau khi phạm tội, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra, khởi tố bị can đối với H; Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s, t Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Hà từ 09 năm đến 10 năm tù. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo H từ 30 tháng đến 36 tháng tù và tổng hợp hình phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số: 215/2016/HSST ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H, nay chuyển thành hình phạt tù. Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 45 tháng đến 51 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về dân sự: Không; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy vật Nhà Nước cấm lưu hành: 01 phong bì niêm phong vật chứng có chữ ký của Đào Thị Thu H, Dương Thanh Q và giám định viên Trần Ngọc Chinh; 01 phong bì niêm phong vật chứng có chữ ký của Trần Văn T, Dương Thanh Q và giám định viên Phạm Đình Đ; 01 phong bì niêm phong vật chứng có chữ ký của Lê Xuân N, Dương Thanh Q và giám định viên Trần Ngọc C; 01 cân điện tử màu trắng được niêm phong trong phong bì có chữ ký niêm phong của Lê Xuân N, Dương Thanh Q và giám định viên Trần Ngọc C; Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước: 02 điện thoại di động Nokia 105 và 01 điện thoại SamSung J7 Pro màu nâu, là phương tiện phạm tội của các bị cáo; Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước số tiền: 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng),* là tiền do bị cáo H phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 08/01/2019, Đào Thị Thu H đã cất giấu 15,139 gam Methamphetamine mục đích để bán kiếm lời. Khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, H bán trái phép 01 gói ma túy loại Methamphetamine cho Trần Tích H. Sau khi mua được ma túy của H, H san ra một ít để sử dụng, số còn lại *(0,074 gam Methamphetamine)* H bán lại cho Trần Văn T vào khoảng 13 giờ 00 ngày 10/01/2019, tại: Ngõ 56, tổ 6, phường P, quận N, thành phố H, thì bị tổ công tác Công an phường P, quận N, thành phố H kiểm tra bắt giữ cùng vật chứng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đào Thị Thu H đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại Điểm i khoản 2 điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Hành vi của Trần Tích H đã đủ yếu tố cấu thành tội:*"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận N đã truy tố bị cáo Đào Thị Thu H và Trần Tích H về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn, là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến những quy định của Nhà Nước về chế độ quản lý các chất ma túy. Các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện, vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo H là người dân tộc thiểu số, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo ra đầu thú, tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo H có 01 tiền sự, 01 tiền án, bị cáo phạm tội lần này là tái phạm, bị cáo đã bị kết án, mà lại thực hiện hành vi phạm tội trong thời

gian thử thách của bản án trước, vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 và phải chấp hành hình phạt tù của Bản án số: 215/2016/HSST ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H,xử phạt bị cáo15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, về tội: *"Cướp giật tài sản"*, chưa được xóa án tích, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án này.Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án, theo quy định tại Khoản 2 Điều 56; Khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi phạm tội, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra, khởi tố bị can đối với H, tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s, t Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, được thể hiện ở mục đích phạm tội, khối lượng, loại ma túy mà các bị cáo mua bán. Căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo H từ 09 năm đến 10 năm tù. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Hiếu từ 30 tháng đến 36 tháng tù và tổng hợp hình phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số: 215/2016/HSST ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H Nội, nay chuyển thành hình phạt tù. Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 45 tháng đến 51 tháng tù, là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khối lượng ma túy bị cáo Hà cất giấu, mục đích để bán kiếm lời, thấy, cần thiết áp dụng mức hình phạt cao hơn mức đề nghị của kiểm sát viên, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[7] Về dân sự: Không.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm

2015; Tịch thu tiêu hủy vật Nhà Nước cấm lưu hành: 01 phong bì niêm phong vật chứng có chữ ký của Đào Thị Thu H, Dương Thanh Q và giám định viên Trần Ngọc C; 01 phong bì niêm phong vật chứng có chữ ký của Trần Văn T, Dương Thanh Q và giám định viên Phạm Đình Đ; 01 phong bì niêm phong vật chứng có chữ ký của Lê Xuân N, Dương Thanh Q và giám định viên Trần Ngọc C; 01 cân điện tử màu trắng được niêm phong trong phong bì có chữ ký niêm phong của Lê Xuân N, Dương Thanh Q và giám định viên Trần Ngọc C; Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước: 02 điện thoại di động Nokia 105 và 01 điện thoại SamSung J7 Pro màu nâu, là phương tiện phạm tội của các bị cáo; Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước số tiền: 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng),* là tiền do bị cáo H phạm tội mà có, như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo: Đ; Trần Tích H phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Căn cứ vào Điểm i khoản 2 điều 251; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Đào Thị Thu H **11** *(Mười một)* **năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2019.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 251; Điều 38; Khoản 2 Điều 56; Khoản 5 Điều 65; Điểm s, t Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Tích H **30** *(Ba mươi)* **tháng tù.** Tổng hợp với hình phạt của Bản án số: 215/2016/HSST ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H, xử phạt bị cáo **15** *(Mười lăm)* **tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách 30 tháng, về tội: *"Cướp giật tài sản"*, nay chuyển thành hình phạt tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **03** *(Ba)* **năm 09** *(Chín)* **tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2019 *(Được trừ thời gian tạm giam của bản án trước từ ngày 05/4/2016 đến ngày 29/8/2016).*

Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong vật chứng có chữ ký của Đào Thị Thu H, Dương Thanh Q và giám định viên Trần Ngọc C; 01 phong bì niêm phong vật chứng có chữ ký của Trần Văn T, Dương Thanh Q và giám định viên Phạm Đình Đ; 01 phong bì niêm phong vật chứng có chữ ký của Lê Xuân N, Dương Thanh Q và giám định viên Trần Ngọc C; 01 cân điện tử màu trắng được niêm phong trong phong bì có chữ ký niêm phong của Lê Xuân N, Dương Thanh Q và giám định viên Trần Ngọc C; Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước: 02 điện thoại di động Nokia 105 và 01 điện thoại SamSung J7 Pro màu nâu *(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 153 ngày 25/6/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);* Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước số tiền: 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản, lập ngày 26/6/2019, tại: Kho bạc Nhà Nước Nam Từ Liêm).*

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136, Khoản 1, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Về án phí: Các bị cáo H, H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy